

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-HĐTD ngày 23/02/2018 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

Vị trí: Chuyên viên Tổ chức - Hành chính

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Số báo danh	Phòng thi số	Miễn thi ngoại ngữ, tin học		Đăng ký thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
				Nam			Nữ					Ngoại ngữ	Tin học			
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Nguyễn Việt	Đức	Cục DTNNKV Đông Bắc	19	11	1993				170003	20			Anh		
2	Hoàng Xuân	Hưng	Cục DTNNKV Đông Bắc	4	10	1993				170013	20			Anh		
3	Nguyễn Thị	Hương	Cục DTNNKV Đông Bắc				28	01	1989	170014	20			Anh		
4	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Cục DTNNKV Đông Bắc				21	3	1994	170035	20			Anh		
5	Nguyễn Thị	Trang	Cục DTNNKV Đông Bắc				27	4	1994	170036	20			Anh		
6	Ngô Thị Quỳnh	Châu	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên				20	10	1990	170001	20			Anh		
7	Trần Thanh	Hải	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên	12	3	1988				170004	20			Anh		
8	Đinh Nam	Hiếu	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên	03	10	1992				170007	20			Anh	Con TB	
9	Ngô Phương	Nhi	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên				10	6	1994	170023	20			Anh		
10	Phan Tiến	Phong	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên	7	6	1986				170027	20			Anh		
11	Đỗ Thị Lan	Phương	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên				22	10	1995	170028	20			Anh		
12	Nguyễn Thị	Trình	Cục DTNNKV Bình Trị Thiên				12	12	1995	170037	20			Anh		
13	Trương Thị Thanh	Hoa	Cục DTNNKV Đà Nẵng				04	11	1993	170008	20			Anh		
14	Hồ Thị	Liên	Cục DTNNKV Đà Nẵng				10	4	1992	170017	20			Anh	Con TB	
15	Nguyễn Quang	Nguyên	Cục DTNNKV Đà Nẵng	14	04	1993				170021	20			Anh		

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Số báo danh	Phòng thi số	Miễn thi ngoại ngữ, tin học		Đăng ký thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
				Nam			Nữ					Ngoại ngữ	Tin học			
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
16	Nguyễn Thị	Phượng	Cục DTNNKV Đà Nẵng				30	6	1994	170029	20			Anh		
17	Phạm Thị Thanh	Tâm	Cục DTNNKV Đà Nẵng				24	10	1991	170031	20			Anh		
18	Võ Ngọc Thùy	Linh	Cục DTNNKV Nam Trung Bộ				10	6	1993	170019	20			Anh		
19	Trần Thị Huyền	Nhung	Cục DTNNKV TP. HCM				19	11	1979	170026	20	x				
20	Trần Đăng Thanh	Trúc	Cục DTNNKV TP. HCM				29	10	1993	170038	20			Anh	Con TB	
21	Lương Minh	Đức	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ	07	8	1995				170002	20			Anh		
22	Nguyễn Thị Ngọc	Hoàn	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				25	02	1980	170010	20	x				
23	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				29	4	1980	170011	20			Anh		
24	Mai Hồ Lưu	Ngọc	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				24	9	1989	170020	20			Anh		
25	Thạch Thúy Anh	Thơ	Cục DTNNKV Cửu Long				11	4	1993	170033	20			Anh	DT Khmer	